

Tổng kết về ngữ pháp (Tiếp theo)

C. Thành phần câu

I. Thành phần chính và thành phần phụ

Câu 1. Kể tên các thành phần chính, thành phần phụ của câu, nêu dấu hiệu nhận biết từng thành phần.

+ **Thành phần chính của câu:** Gồm có chủ ngữ (CN) và vị ngữ (VN):

- Chủ ngữ: Nêu tên sự vật hiện tượng thường trả lời cho câu hỏi: *ai? Con gì? hoặc cái gì?*.

- Vị ngữ: Nêu lên đặc điểm, tính chất, trạng thái.. của sự vật hiện tượng được nói đến ở chủ ngữ, thường trả lời cho câu hỏi: *làm gì? Làm sao? Như thế nào?*

+ **Thành phần phụ của câu gồm có:** Trạng ngữ và khởi ngữ.

- *Trạng ngữ:* Nêu lên hoàn cảnh về thời gian, không gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích,... diễn ra sự việc được nói đến trong câu. Trạng ngữ có thể đứng đầu câu, cuối câu hoặc giữa câu.

- *Khởi ngữ:* Nêu lên đề tài của câu nói, thường đứng trước chủ ngữ.

Câu 2. Hãy phân tích các thành phần của các câu sau đây.

a. Đôi càng của tôi || mẫm bóng.

CN VN

b. Sau một hồi trống thúc giục vang dội cả lòng tôi, /mấy người học trò cũ ||

TrN CN

đến sắp hàng dưới hiên và đi vào lớp.

VN

c. Còn tám gương bằng thủy tinh tráng bạc, / nó // vẫn là người bạn

KhN CN VN

trung thực chân thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác.

II. Thành phần biệt lập

Câu 1. Kể tên và nêu dấu hiệu nhận biết các thành phần biệt lập của câu.

+ Các thành phần biệt lập:

- Thành phần tình thái: Dùng để thể hiện thái độ của người nói đối với sự vật được nói đến.

- Thành phần gọi – đáp: Dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

- Thành phần phụ chú: Dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung của câu.

+ Dấu hiệu nhận biết: Bằng cách xác định vai trò của chúng đối với nội dung của câu, chúng không trực tiếp tham gia vào sự việc trong câu.

Câu 2. Hãy cho biết mỗi từ in đậm trong các đoạn trích dưới đây là thành phần gì của câu.

a. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam chúng ta rất đẹp, bởi vì đời sống cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước đến nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

- **Có lẽ**: Thành phần phụ tình thái.

b. Ngấm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi.

- **Ngấm ra**: Thành phần phụ tình thái.

c. Dừa xiêm thấp lè tè, quả tròn, nước ngọt, dừa nếp lơ lửng giữa bầu trời, quả vàng xanh mơn mớn, dừa lửa lá vàng cỏ hồng...

=> thành phần phụ chú.

d. – Bấm, dễ có khi đê vỡ!

- **Bấm**: Thành phần gọi đáp; **có khi**: Thành phần phụ tình thái.

e.

Oi chiếc xe vận tải

Ta cầm lái đi đây

– **Oi**: thành phần gọi – đáp.

D. Các kiểu câu**I. Câu đơn**

Câu 1. Tìm chủ ngữ, vị ngữ của các câu đơn sau đây.

a. Nhưng nghệ sĩ || không chỉ ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn

CN

VN

VN

nói một điều gì mới mẻ.

b. Không, lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn-xtôi cho nhân loại ||

CN

phức tạp hơn, phong phú, sâu sắc hơn.

VN

c. Nghệ thuật || là tiếng nói của tình cảm.

CN

VN

d. Tác phẩm // vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây

CN

VN

VN

truyền cho mọi người sự sống mà người nghệ sĩ mang trong lòng.

e. [Lúc đi, đưa con gái anh đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi.] Anh | thứ sáu và cũng tên Sáu.

CN

VN

Câu 2. Trong những đoạn trích sau đây, câu nào là câu đặc biệt?

Câu đơn đặc biệt trong các đoạn trích:

a. - *Có tiếng léo xéo ở gian nhà trên.*

- *Tiếng mụ chủ...*

b. *Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi!*

c. - *Những ngọn đèn trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên.*

- *Hoa trong công viên.*

- *Những quả bóng sút vô tội vạ của bọn trẻ trong một góc phố.*

- *Tiếng rao của bà bán xôi có cái mùng đội trên đầu...*

- Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó.

III. Câu ghép

Câu 1. Hãy tìm câu ghép trong các đoạn trích sau đây.

Câu ghép trong các đoạn trích:

a. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.

b. Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng.

c. Ông lão vừa nói vừa chăm chăm nhìn vào cái bộ mặt lì xì của người bà con bên ngoại dẫn ra vì kinh ngạc ấy mà hả hê trong lòng.

d. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mắt hiện lên đẹp một cách kì lạ.

e. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn lo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái.

Câu 2. Chỉ ra các kiểu quan hệ về nghĩa giữa các tế trong những câu ghép tìm được ở bài tập 1.

Các kiểu quan hệ trong các câu ghép tìm được ở bài tập 2:

Câu a: quan hệ bổ sung.

Câu b: quan hệ nguyên nhân.

Câu c: quan hệ bổ sung.

Câu d: quan hệ nguyên nhân.

Câu e: quan hệ mục đích.

Câu 3. Quan hệ về nghĩa giữa các tế trong những câu ghép sau đây là quan hệ gì?

a. Anh mong được nghe một tiếng “ba” của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi.
→ Quan hệ về nghĩa giữa hai vế là quan hệ tương phản.

b. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. → Quan hệ về nghĩa giữa hai vế là quan hệ bổ sung.

c. Giá mà anh ấy còn, anh ấy sẽ làm thêm được bao nhiêu là việc nữa! → Quan hệ về nghĩa giữa hai vế là quan hệ điều kiện – giả thiết.

Câu 4. Từ mỗi cặp câu đơn sau đây, hãy tạo ra những câu ghép chỉ các kiểu quan hệ nguyên nhân, điều kiện, tương phản, nhượng bộ (theo chỉ dẫn) bằng quan hệ từ thích hợp.

- Vì quả bom tung lên và nổ trên không **nhên** hầm của Nho bị sập. → Quan hệ nguyên nhân.
- **Nếu** quả bom tung lên và nổ trên không **thì** hầm của Nho bị sập. → Quan hệ điều kiện.
- Quả bom nổ khá gần **nhưng** hầm của Nho không bị sập. → Quan hệ tương phản.
- Hầm của Nho không bị sập, **tuy** quả bom nổ khá gần. → Quan hệ nhượng bộ.

III. Biến đổi câu

Câu 1. Tìm câu rút gọn trong đoạn trích.

Câu rút gọn trong đoạn trích:

- + Quen rồi.
- + Ngày nào ít: Ba lần.

Câu 2. Trong các đoạn trích sau đây (trích từ truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê), những câu nào vốn là bộ phận của câu đứng trước được tách ra? Theo em, tác giả tách câu như vậy để làm gì?

- + Câu là bộ phận đứng trước được tách ra:
 - Và làm việc có khi suốt đêm.
 - Thường xuyên.
 - Một dấu hiệu chẳng lành.
- + Tác dụng của việc tách ra: Để nhấn mạnh nội dung của bộ phận được tách ra, gây sự chú ý.

Câu 3. Hãy biến đổi các câu sau đây thành câu bị động.

- a. Đồ gốm **được** người thợ thủ công làm ra từ khá sớm.
- b. Một cây cầu lớn sẽ **được** tỉnh ta bắc qua tại khúc sông này.
- c. Những ngôi đền ấy đã **được** người ta dựng lên từ hàng trăm năm trước.

IV. Các kiểu câu ứng với những mục đích giao tiếp khác nhau

Câu 1. Trong các đoạn trích sau đây, những câu nào là câu nghi vấn? Chúng có được dùng để hỏi không?

+ Câu nghi vấn trong đoạn trích:

- *Ba con, sao con không nhận?*

- *Sao con biết là không phải?*

+ Những câu nghi vấn này dùng để hỏi

Câu 2. Trong các đoạn sau đây, những câu nào là câu cầu khiến? Chúng được dùng để làm gì?

+ Câu cầu khiến trong các đoạn trích.

Đoạn a:

- *Ở nhà trông em nhá!* - dùng để ra lệnh.

- *Đừng có đi đâu đấy.* - dùng để ra lệnh.

Đoạn b

- *Thì má cứ kêu đi.* - dùng để yêu cầu.

- *Vô ăn cơm.* - dùng để yêu cầu.

- *Vô ăn cơm.* - dùng để yêu cầu (vốn là câu trần thuật được dùng với mục đích cầu khiến)

+ Những câu cầu khiến này dùng để yêu cầu, ra lệnh.

Câu 3. Câu nói của anh Sáu trong đoạn trích sau đây có hình thức của kiểu câu nào (trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, hay cảm thán)? Anh Sáu dùng nó để hỏi hay để bộc lộ cảm xúc? Chỗ nào trong lời kể của tác giả xác nhận điều đó?

+ Câu nói của anh Sáu: “- *Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?*” có hình thức nghi vấn nhưng được dùng với mục đích cảm thán – bộc lộ cảm xúc.

+ Lời kể của tác giả xác nhận điều đó: “*Giận quá không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*”

Xem tiếp tài liệu tại: <https://vn doc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-9>